

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2026

V/v: “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng và nuôi con chung*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi và ông Hà Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Ánh– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về: Tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị S, sinh năm 1982. Số CCCD: 0151*****21.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vừ A N, sinh năm 1976. Số CCCD: 0150*****60.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

Chị Giàng Thị S và anh Vừ A N chung sống như vợ chồng từ năm 2007 tại thôn Kh, xã C, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ) nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Vừ A N thường xuyên uống rượu và đánh vợ, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình hình không cải thiện. Từ tháng 11/2025 vợ chồng đã sống ly thân, đến nay chị Giàng Thị S xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vừ A N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Giàng Thị S và anh Vừ A N có 3 con chung là Vừ A N, sinh ngày 08/7/2009, Vừ Thị Y, sinh ngày 24/10/2010 và Vừ Quân

H, sinh ngày 24/11/2016, ly hôn chị S đồng ý để anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, chị S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị Giàng Thị S cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân; Trích lục khai sinh của Vừ A N, Vừ Thị Y; Bản sao Giấy khai sinh Vừ Quân H; Bản sao căn cước công dân của Giàng Thị S; Xác nhận về thông tin cư trú của Giàng Thị S, Vừ A N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2026, bị đơn anh Vừ A N trình bày: Về mối quan hệ giữa anh và chị Giàng Thị S đúng như chị Giàng Thị S trình bày. Anh Vừ A N và chị Giàng Thị S chung sống từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2023. Đến nay anh Vừ A N xác định không còn tình cảm với chị Giàng Thị S nên đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh N thừa nhận như chị Giàng Thị S trình bày, ly hôn anh Vừ A N đồng ý nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị Giàng Thị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vừ A N đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu gồm: Bản phô tô căn cước công dân mang tên Vừ A N; Xác nhận của chính quyền địa phương về mức thu nhập với công việc trồng trọt chăn nuôi và công tác tại xã là 6 triệu đến 7,5 triệu đồng/01 tháng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vừ A N, sinh ngày 08/7/2009, cháu Vừ Thị Y, sinh ngày 24/10/2010 và Vừ Quân H, sinh ngày 24/11/2016 các cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử

vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Giàng Thị S và anh Vừ A N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Vừ A N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung Vừ A N, Vừ Thị Y và Vừ Quân H, chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Giàng Thị Súa có đơn khởi kiện đối với anh Vừ A N, anh N có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn Kh, xã C, tỉnh Lào Cai do vậy vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giàng Thị S và anh Vừ A N chung sống như vợ chồng tại Thôn Kh, xã C từ năm 2007 như trình bày của các đương sự. Việc chung sống như vợ chồng còn được UBND xã Cát Thịnh là nơi anh Vừ A N và chị Giàng

Thị S cư trú khi chung sống xác nhận. Thời điểm chung sống với nhau giữa chị Giàng Thị S và anh Vừ A N thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000. Thời điểm chị Giàng Thị S và anh Vừ A N bắt đầu chung sống vào năm 2007 thì chị Giàng Thị S đã 25 tuổi đủ điều kiện để kết hôn theo Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000. Lẽ ra chị Giàng Thị S đã trên 18 tuổi và anh Vừ A N đã trên 20 tuổi, đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000 thì chị Giàng Thị S và anh Vừ A N phải đi đăng ký kết hôn nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là đã vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000, nội dung Điều luật ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

... ”

Chị Giàng Thị S đề nghị giải quyết ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý vụ án để xét xử Không công nhận vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Vừ A N là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2014.

2.2. *Về con chung:* Chị Giàng Thị S và anh Vừ A N có 3 con chung là Vừ A N, sinh ngày 08/7/2009, Vừ Thị Y, sinh ngày 24/10/2010 và Vừ Quân H, sinh ngày 24/11/2016. Ly hôn chị Giàng Thị S và anh Vừ A N thống nhất thỏa thuận để anh Vừ A N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vừ A N có xác nhận của chính quyền địa phương về mức thu nhập ổn định từ 6 triệu đến 7,5 triệu đồng 1 tháng, các con chung đều có nguyện vọng ở với bố. Từ những căn cứ trên đây việc thỏa thuận về con chung của chị S và anh N là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung:*

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Nguyên đơn chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa*: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Vừ A N.

2. Về con chung:

Giao cho anh Vừ A N được trực tiếp nuôi dưỡng có 3 con chung là Vừ A Nủ, sinh ngày 08/7/2009, Vừ Thị Y, sinh ngày 24/10/2010 và Vừ Quân H, sinh ngày 24/11/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Giàng Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai ký hiệu BLTU/25E số 00002269 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Giàng Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Giàng Thị S và anh Vừ A N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6,7,7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai; VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4-Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- UBND xã Cát Thịnh- Lào Cai;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Tiến Phúc

